

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
Cầu Bình Sa đi Bình Hải (Cầu Tây Giang), huyện Thăng Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16/3/2021 của HĐND tỉnh về việc Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn Trung ương (phụ lục 08) và Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh về việc Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn Trung ương giai đoạn 2021-2025;

Xét hồ sơ kèm theo Tờ trình số 504/TTr-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện Thăng Bình về đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Cầu Bình Sa đi Bình Hải (cầu Tây Giang) huyện Thăng Bình;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4157/TTr-SGTVT ngày 28/12/2021, kèm theo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án số 4155/KQTD-SGTVT ngày 28/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu Bình Sa đi Bình Hải (cầu Tây Giang) huyện Thăng Bình, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cầu Bình Sa đi Bình Hải (Cầu Tây Giang), huyện Thăng Bình.
2. Cơ quan quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.
3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình.
4. Mục tiêu đầu tư: Nhằm hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông; kết nối vùng Đông và vùng Tây huyện Thăng Bình và các vùng lân cận, góp phần

thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương.

5. Quy mô đầu tư:

Đầu tư xây dựng Cầu Bình Sa đi Bình Hải (Cầu Tây Giang) và đường dẫn với quy mô như sau:

- Quy mô công trình cầu: Vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT dự ứng lực (tuổi thọ thiết kế là 100 năm).

+ Khổ cầu 9,0m = 8,0m (phần xe chạy) + 2x0,5m (gờ chắn, lan can).

+ Cấp động đất: cấp 6,5 (hệ MSK-64).

+ Tĩnh không thông thuyền sông Trường Giang: cấp IV (BxH = 30x6)m.

- Đường dẫn: Theo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng (TCVN 4054-2005), tốc độ thiết kế 60km/h.

+ Mặt cắt ngang nền đường rộng 9,0m = 8,0m (mặt và lề gia cố) + 2x0,5m (lề).

+ Mặt đường bê tông nhựa, mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc $\geq$ 130Mpa

- Tần suất thiết kế:

+ Phần cầu: 1%,

+ Phần đường và cống: 4%.

- Tải trọng thiết kế:

+ Tính cầu, cống hộp: HL93.

+ Tính cống tròn: H30-XB80;

+ Tính áo đường: Trục 100kN;

- Khổ cống bằng khổ nền đường.

- Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng toàn tuyến dài 3,34Km.

6. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Bách Khoa.

7. Chủ nhiệm lập dự án: Kỹ sư Phan Minh Hùng.

8. Địa điểm xây dựng: Huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

9. Diện tích sử dụng đất: 7,5 ha.

10. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm B, công trình giao thông, cấp III.

11. Số bước thiết kế: 02 bước.

12. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng chủ yếu: Theo khoản 12 Mục I Báo cáo thẩm định số 4155/KQTD-SGTVT ngày 28/12/2021 của Sở Giao thông vận tải.

13. Nội dung thiết kế cơ sở:

13.1. Phần giao thông:

a) Phần cầu: Xây dựng cầu qua sông Trường Giang (Km2+956,20), gồm 9 nhịp giản đơn, theo sơ đồ 39,15m + 7x40m + 39,15m. Chiều dài cầu 371,80m.

- Kết cấu thượng bộ: Mặt cắt ngang cầu gồm 4 dầm Super T bằng BTCT

dự ứng lực 50Mpa, $L=38,3m$, đặt cách nhau 2,18m. Bản mặt cầu đổ tại chỗ bằng BTCT 35Mpa dày tối thiểu 20cm. Lớp phủ mặt cầu bằng BTNC12,5 dày 5cm. Gờ lan can bằng BTCT 25Mpa, lan can bằng thép mạ kẽm. Khe co giãn dùng khe BEJ. Gối cầu dùng gối chấu.

- Kết cấu hạ bộ: Mố, trụ cầu bằng BTCT 40Mpa. Bệ móng mố, trụ đặt trên hệ cọc khoan nhồi $D=1,2m$ bằng BTCT 35Mpa. Mỗi mố bố trí 5 cọc, chiều dài cọc dự kiến tại mố M1 là 18,5m và tại mố M2 là 23,5m, mỗi trụ bố trí 4 cọc, riêng các trụ có nhịp thông thuyền bố trí 6 cọc, chiều dài cọc dự kiến từ 20m đến 25m. Bản giảm tải bằng BTCT 25Mpa.

- Taluy tứ nón mố cầu bằng BTCT 16Mpa. Chân khay taluy bằng BTCT 16Mpa trên hệ cọc ván BTCT DƯL dài 8,0m.

b) Đường dẫn:

- Bình đồ: Điểm đầu đầu nối vào đường Võ Chí Công tại Km30+674,50; điểm cuối đầu nối vào đường ĐT.613B tại Km10+718,80. Hướng tuyến đi cách tim đường theo quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai về phía Nam khoảng 250m, đi tránh khu vực đông dân cư để hạn chế bồi thường, giải phóng mặt bằng. Tổng chiều dài tuyến 3.348m (kể cả chiều dài cầu).

- Trắc dọc: Chủ yếu là đắp nền đường đảm bảo tần suất thiết kế cầu và đường, vượt nối vào đường hiện trạng tại vị trí đầu tuyến và cuối tuyến. Riêng đoạn cuối tuyến đi qua đồi cát không chế cao độ vượt đường ngang ĐH2.TB và hạn chế đào sâu đồi cát.

- Cắt ngang tuyến: $B_{nền} = 9,0m = 8,0m$ (mặt và lề gia cố) + $2 \times 0,5m$ (lề đất).

- Nền đường:

- + Vết hữu cơ và đắp đất đầm chặt K95, riêng 50cm trên cùng đạt K98.

- + Đoạn đường hai đầu cầu từ Km1+964 - Km2+084, dài 120m và Km2+440 - Km2+700, dài 260m; xử lý nền đất yếu bằng cọc đất gia cố xi măng đường kính D80cm kết hợp vãi địa kỹ thuật, chiều dài cọc từ 7,5m đến 13,0m, khoảng cách 1,8m/cọc.

- + Tại các vị trí đắp cao có nguy cơ sạt lở, tiến hành gia cố mái taluy bằng bê tông M150, kết hợp tấm ốp BTCT M200 đá 1x2 có lỗ trồng cỏ kích thước (40x40x5)cm. Bố trí hệ khung dầm dọc, dầm ngang bằng bê tông M200 tại những đoạn đắp cao hai đầu cầu.

- Kết cấu mặt đường và lề gia cố: Bê tông nhựa chặt BTNC12,5 dày 5cm; bê tông nhựa chặt BTNC19 dày 7cm; cấp phối đá dăm loại 1 dày 35cm (chia làm 2 lớp).

- Công thoát nước, công thủy lợi: Tổng cộng có 20 công các loại, trong đó: 09 công tròn D150cm, 01 công bản khẩu độ $B=1,0m$, 04 công bản khẩu độ $B=1,2m$, 01 công bản khẩu độ $B=1,4m$; 02 công bản khẩu độ $B=1,5m$; 01 công bản khẩu độ $B=1,6m$; 01 công hộp khẩu độ $B \times H=2 \times (1,2 \times 1,2)m$ và 01 công hộp khẩu độ $B \times H=(2,0 \times 2,0)m$. Kết cấu bằng bê tông và bê tông cốt thép.

- Công chui tại Km2+603: Bố trí công khẩu độ (7,5x4,75)m, vượt đường hiện trạng phía bờ đông (đường ĐH2.TB). Kết cấu bằng bê tông cốt thép.

- Hoàn trả hệ thống thoát nước dọc và công kỹ thuật của đường Võ Chí Công (do mở rộng làn tăng, giảm tốc): Hoàn trả công thoát nước dọc hiện trạng bằng ống bê tông ly tâm BTCT D100cm. Hoàn trả hệ thống công kỹ thuật dạng chữ U có đáy đan, kết cấu bằng bê tông cốt thép.

c) Nút giao thông: Thiết kế dạng nút đơn giản, cùng mức, kết cấu cùng kết cấu tuyến chính. Đối với nút giao với đường Võ Chí Công có bố trí làn tăng, giảm tốc; đối với các nút dân sinh vượt nổi đảm bảo êm thuận, kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa và bê tông xi măng. Riêng nút giao với đường ĐH2.TB tại Km2+603, bố trí công chui với tĩnh không (7,5x4,5)m, kết cấu bằng bê tông cốt thép.

d) Hệ thống an toàn giao thông, báo hiệu đường bộ: Bố trí hệ lan tôn lượn sóng, cọc tiêu, biển báo hiệu trên tuyến, vạch sơn,... theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

13.2. Phần điện chiếu sáng:

Bố trí chiếu sáng toàn tuyến với tổng chiều dài 3,34Km. Đường dây điện chiếu sáng đi ngầm, bố trí một bên đường (riêng đoạn trên cầu bố trí chiếu sáng bên lan can cầu, đường dây điện đi trong mương cáp và ống nhựa đặt sẵn trong thành cầu), sử dụng trụ thép tròn côn, trụ cao 10m, cần đèn đơn, vươn cần 1,5m. Đoạn trên đường: Khoảng cách trung bình giữa 2 trụ là 35m, đèn Led công suất 120W, móng cột bằng bê tông; đối với phần trên cầu: Khoảng cách trung bình giữa 2 trụ là 40m, đèn Led công suất 90W.

Nguồn điện: Lấy từ tủ điện chiếu sáng lắp mới đầu nối tại trụ hạ thế của trạm biến áp có sẵn.

14. Tổng mức đầu tư: **265.000.000.000 đồng** (Hai trăm sáu mươi lăm tỷ đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng:	190.752.901.000	đồng,
- Chi phí quản lý dự án:	2.923.722.000	đồng,
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	10.708.770.000	đồng,
- Chi phí khác:	4.262.976.000	đồng,
- Chi phí dự phòng:	19.851.631.000	đồng,
+ Dự phòng khối lượng 7,43%	15.495.149.000	đồng,
+ Dự phòng trượt giá 2,09% (tạm tính 1 năm)	4.356.482.000	đồng,
- Chi phí bồi thường, GPMB	36.500.000.000	đồng.

15. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 238.500.000.000 đồng;
- Ngân sách huyện Thăng Bình: Bố trí phần còn lại để thực hiện dự án.

16. Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

17. Thời gian thực hiện: 2023 - 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- UBND huyện Thăng Bình (Chủ đầu tư) căn cứ các nội dung đã được phê duyệt, tiến hành lập các hồ sơ, thủ tục tiếp theo theo đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện.

- Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh cập nhật dự án vào hồ sơ Quy hoạch phân khu xây dựng trên địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai để trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường và các ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn, giám sát chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện.

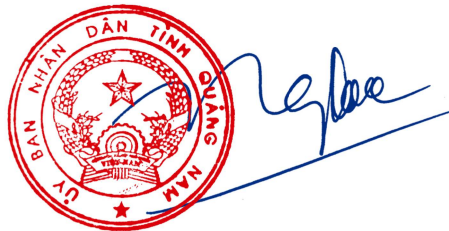
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thăng Bình và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, TH, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang